

Bản án số: 20/2020/HS-ST

Ngày: 27/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Năm và ông Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Lê Đình Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2020/TLST-HS ngày 24/2/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Viết T – Sinh năm 1996. Nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã Đ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Viết K (đã chết) và bà Lương Thị N; gia đình có 2 anh em, T là con thứ 2.

Tiền án:- Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 6 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Chưa được xóa án tích

- Năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không

*Người bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1978

HKTT: Thôn Q - xã Đ - Triệu Sơn - Thanh Hóa

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Viết T, sinh năm 1993

HKTT: Thôn Q - xã Đ - Triệu Sơn - Thanh Hóa

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1973

HKTT: Thôn Q, xã K, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 30/11/2019 Trần Viết T mượn xe máy BKS 36K1-1345 của chị Nguyễn Thị Q (là chị dâu của T) lên nhà anh Q ở thôn L, xã Đ,

huyện Triệu Sơn để xin đi làm, nhưng anh Q không có nhà. T điều khiển xe máy đi thẳng ra Công ty may Đ theo đường tỉnh lộ 517, khi đến gần công ty, T rẽ phải điều khiển xe máy đến nhà anh Nguyễn Văn T1 (anh T1 là bố vợ anh trai T) ở thôn Q, xã Đ, thấy cửa cổng đóng nhưng không khóa, T mở cửa cổng đi xe máy vào sân nhà anh T1, quan sát thấy không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định lấy tài sản, T đi vào trong bếp nhưng thấy không có tài sản gì, T tiếp tục đi thẳng lên nhà trên, qua cửa nhà bếp, vào buồng quan sát thấy có 3 bao tải màu đỏ cam để ở góc buồng, T vào kiểm tra thì phát hiện là lúa, liền bê 2 bao lúa ra xe máy rồi điều khiển xe đi thẳng lên thôn Q, xã K, huyện Triệu Sơn bán cho gia đình chị Nguyễn Thị T2, làm nghề xay sát lúa gạo với giá 490.000đ, tương đương 83kg lúa, số tiền bán được T đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định số lúa mà T trộm cắp tại nhà anh Nguyễn Văn T1 là của anh Trần Viết T3 (con rể anh T1 và là anh trai của T).

Ngày 25/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự định giá đối với 2 bao lúa. Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 27/12/2019 kết luận: 02 bao lúa PC có tổng trọng lượng 83kg, có giá trị 581.000đ.

Vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trần Viết T 01 xe mô tô BKS 36K1 - 1345. Quá trình điều tra xác định chị Q mượn xe của bố đẻ là anh Nguyễn Văn T1 để T làm phương tiện đi lại và không biết T sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với 02 bao tải lúa PC Túng trộm cắp đã bán cho chị Nguyễn Thị T2, sau khi mua của T chị T2 đã sát gạo bán cho người dân xung quanh thôn nhưng không nhớ cụ thể bán cho ai nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để thu giữ.

*Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSTS ngày 24 tháng 2 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố bị cáo Trần Viết T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Viết T về tội “Trộm cắp tài sản”

-Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Hình phạt đối với bị cáo từ 7 đến 9 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

-Về dân sự: Người bị hại không có yêu cầu về phần dân sự nên không xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Khoảng hơn 8 giờ ngày 30/11/2019 Trần Viết T điều khiển xe mô tô BKS 36K1 -1345 đến nhà anh Nguyễn Văn T1, thấy cửa cổng đóng nhưng không khóa, T mở cửa cổng đi xe máy vào sân nhà anh T1, quan sát thấy không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định lấy tài sản, T đi vào trong nhà phát hiện thấy 3 bao tải lúa liền bê 2 bao lúa ra xe máy, sau đó đem bán cho chị Nguyễn Thị T2, làm nghề xay sát lúa gạo với giá 490.000đ, tương đương 83kg lúa, số tiền bán được T đã chi tiêu cá nhân hết.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trần Viết T đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp là 581.000đ. Do đó hành vi của Trần Viết T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo vì động cơ, mục đích tư lợi, lười lao động, lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây mất trật tự trị an, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu, chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội 1 thời gian mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo.

- Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Đối với chị Nguyễn Thị T2 khi mua lúa của T không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị T2 là hợp lý.

[5] *Về dân sự*: Quá trình điều tra, anh T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tài sản bị mất và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Vật chứng*: Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trần Viết T 01 xe mô tô BKS 36K1 - 1345. Quá trình điều tra xác định chị Q mượn xe của bố để là anh Nguyễn Văn T1 để T làm phương tiện đi lại và không biết T sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Trần Viết T, phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Viết T: 9** (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/12/2019.

- Về án phí: Áp dụng điều 135, 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh TH;
- VKSND Triệu Sơn;
- Công an Triệu Sơn;
- Thi hành án DS Triệu Sơn;
- Bị cáo;
- Người BH; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lan

